TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY XUYÊN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 66A/2020/QĐST-DS.	*Duy Xuyên, ngày 07 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾTVIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Minh Phượng.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp: Bà Lương Thị Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 159/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về yêu cầu "*Yêu cầu xác định cha cho con*" theo Quyết định mở phiên họp số: *28*/2019/QĐPH-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên họp số:28/TB-TA ngày 13/11/2019; Thông báo về việc mở lại phiên họp số: 01/2020/TB-TA; gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 54, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê B1, sinh năm 1951; Trú tại: Thôn T, xã D, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Lê B2, sinh năm 1954; Trú tại: Ấp Phn, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Ông Lê Th1, sinh năm 1964; Trú tại: Thôn T, xã D, huyện Duy Xuyên, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

4. Ông Lê Th2, sinh năm 1967; Trú tại: Thôn T, xã D, huyện Duy Xuyên, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

5. Bà Lê Thị N, sinh năm 1956; Trú tại: Thôn Y, xã D, huyện Duy Xuyên, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị B3, sinh năm 1954; Trú tại: Thôn Ph, xã D, huyện Duy Xuyên, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

(*Bà T và ông B1 có mặt, còn lại đều vắng mặt*).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu ngày 15/07/2019 và tại phiên họp, bà Huỳnh Thị T trình bày: Cha mẹ của bà là ông Lê L, sinh năm 1925 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1930. Năm 1967, mẹ bà sinh bà được 20 ngày thì chết. Cha bà là ông Lê L đã nhờ bà Nguyễn Thị T1 (là dì ruột của bà T) nuôi dưỡng bà. Năm 1968, cha bà hy sinh. Bà Nguyễn Thị T1 tiếp tục nuôi dưỡng bà cho đến trưởng thành. Đến khi bà đi học

thì bà T1 đã làm giấy khai sinh cho bà, trong đó cha ruột đứng tên chồng bà T1 là ông Huỳnh T1, mẹ ruột là bà Nguyễn Thị T1 (giấy khai sinh đã bị thất lạc trong chiến tranh). Trên thực tế ông Huỳnh T1 đã chết trong trận lụt năm 1964. Năm 2016, bà Nguyễn Thị T1 chết. Việc bà T là con đẻ của ông Lê L và bà Nguyễn Thị A trong tộc họ ai cũng biết và họ hàng hai bên nội ngoại đều thừa nhận. Nay bà T muốn xác định đúng tên cha đẻ của mình để làm thủ tục cải chính hộ tịch sang tộc Lê. Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền (Gentis) cũng đã có kết luận bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị Năm không loại trừ khả năng có quan hệ huyết thống chị gái – em gái. Do đó bà Huỳnh Thị T yêu cầu T1 án nhân dân huyện Duy Xuyên xác định ông Lê L (hy sinh năm 1968) là cha đẻ của bà.

Tại văn bản trả lời ý kiến ngày 26/4/2019, người có quyền L nghĩa vụ liên quan là ông Lê B1, Lê Thế, Lê Thẩn, Lê B2 và bà Lê Thị Năm thống nhất trình bày:

Năm 1967, cha mẹ các ông bà là ông Lê L và bà Nguyễn Thị A sinh được một người con là bà Huỳnh Thị T. Sau khi sinh bà T được 20 ngày thì bà A chết. Ông Lê L đã nhờ bà Nguyễn Thị T1 (là dì ruột) nuôi dưỡng bà T. Năm 1968, ông Lê L hy sinh. Do các ông bà còn nhỏ, nên bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng bà T cho đến trưởng thành. Việc bà Huỳnh Thị T là em ruột các ông bà và là con ruột của ông Lê L, bà Nguyễn Thị A tộc họ hai bên nội ngoại đều biết. Năm 2016, bà Nguyễn Thị T1 chết. Nay bà T yêu cầu T1 án xác định ông Lê L là cha đẻ của bà T, các ông bà đồng ý với yêu cầu trên để bà T được thừa nhận là em ruột các ông bà một cách hợp pháp.

Ý kiến của kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết việc dân sự đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật;, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, tuy nhiên sau khi Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên có Văn bản yêu cầu thu thập thêm tài liệu chứng cứ thì thời hạn chuẩn bị giải quyết chưa đảm bảo. Thẩm phán và thư ký phiên họp thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên họp đúng quy định. Các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, thực hiện nghĩa vụ theo đúng quy định.

- *Về nội dung*: Theo phiếu kết quả phân tích ADN của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền (Gentis) cũng đã có kết luận bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị N không loại trừ khả năng có quan hệ huyết thống chị gái – em gái. Quyết định này tuy ghi chú không được dùng trong tố tụng nhưng các đương sự đồng ý với kết quả giám định và việc lấy mẫu giám định tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giám định nên Kết quả phân tích AND này được xem là chứng cứ. Ngoài kết quả giám định nêu trên, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và Tộc trưởng tộc Lê đều xác nhận bà Huỳnh Thị T là con đẻ của ông Lê L và bà Nguyễn Thị A. Từ đó có đủ căn cứ chứng minh bà Huỳnh Thị T là con ruột của Liệt sỹ Lê L, hy sinh năm 1968 nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA T1 ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, T1 án nhân dân huyện Duy Xuyên nhận định:

[1] Năm 1967, vợ chồng ông Lê L và bà Nguyễn Thị A sinh được một người con là bà Huỳnh Thị T. Sau khi sinh bà T được 20 ngày thì bà A chết. Ông Lê L nhờ bà Nguyễn Thị T1 (là dì ruột bà T) nuôi dưỡng bà T. Năm 1968, ông Lê L hy sinh. Bà Huỳnh Thị T tiếp tục được bà Nguyễn Thị T1 nuôi dưỡng và làm khai sinh để bà T đi học, trong khai sinh bà T mang họ Huỳnh (giấy khai sinh đã thất lạc trong chiến tranh). Năm 2016, bà Nguyễn Thị T1 chết. Việc bà T là con đẻ của ông Lê L và bà Nguyễn Thị A trong tộc họ ai cũng biết và họ hàng hai bên nội ngoại đều thừa nhận. Nay bà T muốn xác định đúng tên cha đẻ của mình để làm thủ tục cải chính hộ tịch sang tộc Lê.

Theo Phiếu kết quả phân tích AND của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền (Gentis) cũng đã có kết luận bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị Năm không loại trừ khả năng có quan hệ huyết thống chị gái – em gái. Tuy Kết luận này được ghi chú không dùng trong tố tụng, tuy nhiên các đương sự đều đồng ý với kết quả giám định. Kết quả giám định cũng phù hợp với lời khai của những người làm chứng do đó thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên về việc công nhận phiếu kết quả phân tích AND là chứng cứ. Do đó Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên nhận thấy có đủ căn cứ để để chấp nhận đơn yêu cầu của bà Huỳnh Thị T về việc công nhận bà T là con đẻ của Liệt sỹ Lê L, hy sinh năm 1968.

[3] Bà Huỳnh Thị T phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 90, 101 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 36 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T:

- Công nhận bà Huỳnh Thị T là con đẻ của Liệt sỹ Lê L, sinh năm 1925, hy sinh năm 1968; nguyên quán: Thôn 4, xã D, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Bà Huỳnh Thị T phải chịu lệ phí việc dân sự là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 7816 ngày 15/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày mở phiên họp (ngày 07/4/2020). Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- VKSND huyện Duy Xuyên.
- Đương sự.
- Lưu HS.

Võ Thị Minh Phượng